

Số: 537/QĐ-TTYT

Lục Ngạn, ngày 20 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai Quyết toán Thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2023
của Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LỤC NGẠN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông báo số 83/TB-SYT ngày 15 tháng 4 năm 2024 (đơn vị nhận ngày 15/6/2024) thông báo xét duyệt quyết toán năm 2023 của Giám đốc Sở Y tế Bắc Giang;

Xét đề nghị của Trưởng phòng TCKT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán Thu-chi ngân sách NSNN, nguồn khác năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn (biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng, Phó các Khoa, Phòng, Trưởng trạm Y tế các xã, thị trấn thuộc Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Y tế (báo cáo);
- Ban Giám đốc;
- Website Trung tâm Y tế;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Sinh

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn

Chương: 423

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 537/QĐ-TTYT ngày 20/6/2024 của Giám đốc TTYT Lục Ngạn)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			-	
I	Số thu phí, lệ phí	108.952,3	108.952,3	-	
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
3	Thu sản xuất kinh doanh DV, Thu khác	108.952,3	108.952,3	-	-
3,1	Thu dịch vụ BHYT, XHH, Nhà xe, thuốc, cấy tin, tạp hóa, vắc xin	108.637,5	108.637,5		
3,4	Thu hoạt động khác	314,8	314,8		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	102.180,8	102.180,8		
1	Chi sự nghiệp (Chi từ nguồn hoạt động SXKD DV	102.162,8	102.162,8		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	102.162,8	102.162,8		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-		
2	Chi hoạt động khác	17,948	17,948		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17,948	17,948		

b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	460,175	460,175	-	
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
3	Thu dịch vụ và khác	460,175	460,175		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	51.786,1	51.786,1	-	
I	Nguồn ngân sách trong nước	51.786,1	51.786,1	-	
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	51.786,1	51.786,1	-	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	49.498,2	49.498,2	-	
	Loại 130 khoản 131	7.055,08	7.055,08		
	Loại 130 khoản 132	39.055,7	39.055,7		
	Loại 130 khoản 151	3.387,5	3.387,5		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.287,9	2.287,9		
	Loại 130 khoản 132	2.283,9	2.283,9		
	Loại 130 khoản 151	4,0	4,0		Phụ nữ nghèo sinh con đúng chính sách
II	Chương trình mục tiêu y tế-Dân số	169,62	169,62		
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	169,62	169,62		CTMT tiểu DA2
1.1	CTMT				
12	Dự án B				